

**Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt
đãi xử với phụ nữ**

**Convention on the Elimination of all forms of
Discrimination against women**

(Cedaw)

*Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ
của phụ nữ Việt Nam dịch và giới thiệu
(Tái bản lần thứ 5 có bổ sung, chỉnh lý)*

Hà Nội- tháng 9/2005

Lời giới thiệu

Ngày 18/12/1979, Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn. Ngày 3/9/1981, sau khi nước thứ 20 thông qua, Công ước này bắt đầu có hiệu lực với tư cách một văn kiện quốc tế tổng hợp nhất về quyền con người của phụ nữ. Theo Ủy ban CEDAW, tính đến tháng 3/2005 đã có 180 quốc gia trên thế giới phê chuẩn hoặc ký kết Công ước, chiếm hơn 90% thành viên Liên hợp quốc.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước vào 29/7/1980 phê chuẩn vào 27/11/1981. Tuân thủ quy định của Công ước, trong suốt những năm qua, Việt Nam đã tích cực tổ chức thực hiện và hoàn thành các báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Công ước để trình lên Tổng thư ký Liên hợp quốc. Năm 2001, chúng ta đã bảo vệ thành công các báo cáo quốc gia lần thứ 2, 3 và 4 và được Ủy ban CEDAW đánh giá là tiến hành nội luật hoá CEDAW khá thành công vì mục tiêu nâng cao quyền của phụ nữ trên thực tế.

Những nỗ lực phân bổ nguồn lực nhằm đạt sự tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội, tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ cho việc thực hiện Công ước ở Việt Nam đã được Ủy ban hoan nghênh. Tháng 6/2005, Báo cáo quốc gia lần thứ 5 và 6 về tình hình thực hiện Công ước CEDAW đã được đệ trình lên Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Có thể nói, sự ra đời của Công ước CEDAW là kết quả hơn 30 năm đấu tranh của Ủy ban về địa vị phụ nữ Liên hợp quốc (CSW). Ủy ban được thành lập năm 1946 nhằm giám sát địa vị và nâng cao quyền lợi của phụ nữ. Hoạt động của Ủy ban đã góp phần thúc đẩy bình đẳng giới ở những nơi mà phụ nữ chưa được bình quyền như nam giới. Kết quả của những nỗ lực vì sự tiến bộ của phụ nữ là sự ra đời một số tuyên bố và điều ước quốc tế, trong đó CEDAW là văn kiện quan trọng và toàn diện nhất về quyền bình đẳng của phụ nữ.

Tinh thần của Công ước được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu của Liên hợp quốc nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của con người cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Công ước không chỉ giải thích rõ ý nghĩa của bình đẳng mà còn chỉ ra phương thức giành quyền bình đẳng đó.

Trong phần mở đầu, Công ước thừa nhận một cách rõ ràng rằng "sự phân biệt đối xử với phụ nữ vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi" và nhấn mạnh sự phân biệt đối xử "vi phạm các nguyên tắc về quyền bình đẳng, xúc phạm tới nhân phẩm con người". Sự phân biệt đối xử đã được định nghĩa ở Điều I là "bất kỳ sự phân biệt, loại trừ, hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính... trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác". Bản Công ước còn khẳng định rõ: tất cả các hình thức phân biệt đối xử đều bị lên án và các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, bao gồm cả biện pháp pháp luật, nhằm bảo đảm cho phụ nữ được thực hiện và thụ hưởng đầy đủ quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới (Điều 2 và 3).

Các nội dung về bình đẳng được lần lượt quy định rõ ở 13 điều tiếp theo, từ Điều 4 đến Điều 16 và đề cập tới mọi khía cạnh đời sống của người phụ nữ. Quyền công dân và địa vị hợp pháp của phụ nữ được nêu rất chi tiết. Hơn nữa, không giống như các điều ước khác về nhân quyền, Công ước đã khẳng định quyền sinh sản của phụ nữ, nhấn mạnh tới yếu tố văn hoá và truyền thống bởi đó là những yếu tố hình thành nên vai trò giới và các mối quan hệ trong gia đình.

Các quyền lợi cơ bản về chính trị không hề giảm đi kể từ khi Công ước về quyền chính trị của phụ nữ được thông qua vào năm 1952. Ngược lại, các điều khoản này được tuyên bố một cách rõ ràng hơn trong Điều 7 của Công ước, nhờ đó phụ nữ được đảm bảo quyền bầu cử, tham gia lãnh đạo trong cơ quan nhà nước và quyền thực thi các trách nhiệm xã hội của mình. Điều 8 quy định phụ nữ có cơ hội làm đại diện cho chính phủ ở cấp quốc tế và tham gia vào hoạt động của các tổ chức quốc tế. Công ước về Quốc tịch của phụ nữ đã kết hôn-

thông qua năm 1957 - được tổng hợp trong Điều 9 nhằm nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ trong vấn đề quốc tịch, không lệ thuộc vào tình trạng hôn nhân. Lần lượt các Điều 10, 11 và 13 khẳng định quyền bình đẳng của phụ nữ trong các lĩnh vực giáo dục, việc làm, kinh tế và các hoạt động xã hội. Điều 14 đòi hỏi các quốc gia đưa những vấn đề đặc biệt của phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của họ trong đời sống gia đình vào trong quá trình hoạch định chính sách. Điều 15 yêu cầu sự bình đẳng toàn diện cho phụ nữ trong lĩnh vực dân sự và kinh doanh, cụ thể là bất kỳ phương thức trực tiếp nào làm hạn chế năng lực pháp lý của phụ nữ "sẽ bị coi là vô giá trị và không có hiệu lực thi hành". Cuối cùng, trong Điều 16, Công ước đề cập tới quan hệ hôn nhân và gia đình, khẳng định quyền bình đẳng và nghĩa vụ của phụ nữ và nam giới trong việc lựa chọn bạn đời, làm cha mẹ, quyền nhân thân và làm chủ mọi tài sản của mình.

Bên cạnh vấn đề quyền công dân, Công ước cũng chú trọng tới vấn đề sống còn của phụ nữ, đó là quyền sinh sản của họ. Trong phần mở đầu, Công ước tuyên bố vai trò của phụ nữ trong việc sinh đẻ không thể là cơ sở của sự phân biệt đối xử. Mỗi ràng buộc giữa phân biệt đối xử và vai trò sinh sản của phụ nữ là vấn đề thường xuyên được đề cập trong Công ước này. Ví dụ, trong Điều 5, Công ước thừa nhận sự hiểu biết đúng đắn nghĩa vụ làm mẹ như một chức năng xã hội và đòi hỏi cả 2 giới phải chia sẻ trách nhiệm một cách đầy đủ trong việc nuôi dạy con. Bởi vậy, các điều khoản về bảo vệ bà mẹ và chăm sóc trẻ em được nêu ra như những quyền cốt yếu và được quy định nhất quán trong mọi lĩnh vực của Công ước, kể cả lĩnh vực việc làm, hôn nhân gia đình, chăm sóc sức khoẻ hay giáo dục. Trách nhiệm của xã hội là thúc đẩy các loại hình dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ chăm sóc trẻ em để tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới có thể kết hợp thực hiện nghĩa vụ gia đình và công việc cơ quan (Điều 11.2c). Các biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm nhanh chóng thúc đẩy sự bình đẳng trên thực tế của phụ nữ và nam giới và bảo vệ người mẹ được thông qua "sẽ không bị coi là sự phân biệt đối xử" (Điều 4). Công ước cũng khẳng định quyền quyết định sinh con. Đây là vấn đề duy nhất về quyền con người đề cập đến vấn đề kế hoạch hoá gia đình. Trách nhiệm của các quốc gia trong việc tư vấn kế hoạch hoá gia đình thông qua hệ thống giáo dục và củng cố pháp luật hôn nhân gia đình nhằm bảo vệ quyền phụ nữ được quyết định một cách có trách nhiệm và tự nguyện về số con, khoảng cách giữa các lần sinh, quyền tiếp cận với thông tin, giáo dục và các phương tiện để họ có thể thực hiện những quyền này đã được quy định ở Điều 10h và 16e.

Sức mạnh tổng hợp của Công ước CEDAW là sự tăng cường hiểu biết về các quyền con người, nhận thức đúng đắn ảnh hưởng của văn hoá và truyền thống đến việc thụ hưởng những quyền cơ bản của phụ nữ. Các khuôn mẫu, tập quán và các chuẩn mực văn hóa khác nhau mang lại sự đa dạng hoá hệ thống luật pháp, chính trị, kinh tế và trong nhiều trường hợp làm kìm hãm sự tiến bộ của phụ nữ. Nhận thức được mối quan hệ tương hỗ này, Công ước nhấn mạnh: sự thay đổi vai trò truyền thống của nam giới cũng như của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội là cần thiết để đạt được sự bình đẳng đầy đủ giữa nam và nữ. Do vậy, việc tham gia Công ước của các quốc gia tự trung ở nghĩa vụ và hành động để hướng tới sự đổi mới các chuẩn mực văn hoá, xã hội, đạo đức cá nhân nhằm xóa bỏ những định kiến, tập tục và thói quen do tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém hay vai trò rập khuôn của nam giới và phụ nữ (Điều 5). Và Điều 10.c yêu cầu sửa đổi sách giáo khoa, chương trình học tập và phương pháp giảng dạy ở trường phổ thông với mục đích loại trừ những khái niệm lạc hậu trong lĩnh vực giáo dục. Nhìn chung, Công ước đã cung cấp một nguyên lý toàn diện nhằm loại trừ sự phân biệt giới tính dưới mọi hình thức đã được đề cập.

Ủy ban CEDAW chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Công ước này. Các nội dung hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của ủy ban được nêu từ Điều 17 đến Điều 30. Ủy ban gồm có 23 chuyên gia độc lập, do các chính phủ đề cử và được các nước tham gia bầu lên, là những người có uy tín cao và thông thạo về lĩnh vực được nêu trong Công ước.

Ít nhất 4 năm 1 lần, các nước tham gia Công ước cần phải đệ trình báo cáo quốc gia cho Tổng thư ký Liên hợp quốc và ủy ban sẽ tiến hành xem xét các biện pháp mà quốc gia đó đã tiến hành để thực hiện hiệu quả các điều khoản của Công ước. Trong các phiên họp thường kỳ của mình, các thành viên của ủy ban thảo luận về những báo cáo này với đại diện của các chính phủ và cùng họ xem xét tỷ mỉ mọi vấn đề cho chương trình hành động tiếp theo

phù hợp với hoàn cảnh của từng nước. Ủy ban cũng đưa ra những khuyến nghị đối với các nước thành viên nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Công ước.

* * *

Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trân trọng giới thiệu toàn văn nội dung Công ước với các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế - văn hoá - xã hội, với đông đảo quần chúng nhân dân và chị em phụ nữ. Chúng tôi tin tưởng rằng việc nâng cao hiểu biết về Công ước sẽ là hành động thiết thực góp phần đẩy nhanh công cuộc đổi mới của đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

Văn phòng UBQG

Vì Sự Tiến Bộ của Phụ Nữ Việt Nam

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt

đối xử với phụ nữ

Những quốc gia tham gia Công ước:

- *Lưu ý* rằng Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định lại niềm tin vào các quyền con người cơ bản, nhân phẩm, giá trị của mỗi con người và các quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ,

- *Lưu ý* rằng Tuyên bố chung về Nhân quyền khẳng định nguyên tắc không thể chấp nhận phân biệt đối xử và đã tuyên bố rằng mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền lợi, đều được hưởng mọi quyền và tự do ghi trong văn kiện này mà không có sự phân biệt nào, kể cả phân biệt về giới tính,

- *Lưu ý* rằng các nước tham gia Công ước quốc tế về nhân quyền có nghĩa vụ bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ trong việc thụ hưởng các quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và chính trị,

- *Xem xét* các Công ước quốc tế đã được ký kết dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên môn thúc đẩy các quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới,

- *Lưu ý* tới các nghị quyết, tuyên bố, khuyến nghị do Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên môn thông qua nhằm thúc đẩy các quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới ,

- Tuy nhiên *lo ngại rằng* bất chấp những văn kiện kể trên sự phân biệt đối xử với phụ nữ vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi,

- *Nhắc lại rằng*, sự phân biệt đối xử với phụ nữ vi phạm các nguyên tắc về quyền bình đẳng và xúc phạm tới nhân phẩm con người, là một trở ngại đối với việc phụ nữ tham gia bình đẳng với nam giới trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước họ, ngăn cản sự phát triển thịnh vượng của xã hội và gia đình, gây khó khăn cho việc phát triển đầy đủ các tiềm năng của phụ nữ trong việc phục vụ đất nước và loài người,

- *Lo ngại rằng*, trong tình trạng nghèo đói, phụ nữ là những người ít được tiếp cận nhất tới lương thực, y tế, giáo dục, đào tạo, cơ hội có việc làm và các nhu cầu khác,

- *Tin tưởng rằng*, việc thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới dựa trên sự công bằng và công lý sẽ góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới,

- *Nhấn mạnh rằng*, việc thủ tiêu chủ nghĩa A-pác-thai, mọi hình thức của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sắc tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, sự xâm lược, chiếm đóng, thống trị, can thiệp của nước ngoài vào công việc nội bộ của các nước là hết sức cần thiết cho việc thụ hưởng đầy đủ quyền lợi của cả phụ nữ và nam giới ,

- *Khẳng định rằng*, việc tăng cường hoà bình và an ninh quốc tế, giảm căng thẳng quốc tế, hợp tác chung giữa các quốc gia không phân biệt chế độ kinh tế và xã hội, việc giải trừ quân bị toàn diện và triệt để, đặc biệt đối với giải trừ vũ khí hạt nhân dưới sự kiểm soát chặt chẽ và có hiệu quả của cộng đồng quốc tế, việc khẳng định các nguyên tắc công bằng, bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ giữa các nước, thực thi quyền tự quyết và độc lập của các dân tộc đang phải sống dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân và dưới sự chiếm đóng của nước ngoài cũng như việc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển, do đó sẽ đóng góp vào việc đạt được sự bình đẳng toàn diện giữa nam giới và phụ nữ,

- *Tin tưởng* rằng, sự phát triển đầy đủ và toàn diện của một đất nước, sự thịnh vượng của thế giới và sự nghiệp hoà bình đòi hỏi sự tham gia tối đa của phụ nữ trong mọi lĩnh vực một cách bình đẳng với nam giới,

- *Ghi nhớ* rằng, sự đóng góp to lớn của phụ nữ vào phúc lợi gia đình và phát triển xã hội mà lâu nay chưa được công nhận đầy đủ, ý nghĩa xã hội của việc sinh đẻ và vai trò của cả cha lẫn mẹ trong gia đình và trong việc nuôi dạy con cái, nhận thức rằng vai trò của phụ nữ trong sinh sản sẽ không được xem là cơ sở cho sự phân biệt đối xử và rằng việc nuôi dạy con cái đòi hỏi có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nam, nữ và xã hội nói chung,

- *Nhận thức* rằng thay đổi vai trò truyền thống của nam giới cũng như của phụ nữ trong xã hội và trong gia đình là yêu cầu để đạt được bình đẳng đầy đủ giữa nam giới và phụ nữ,

- *Quyết tâm* thực hiện các nguyên tắc đề ra trong Tuyên bố về xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ và vì mục đích đó, thông qua các biện pháp cần thiết để loại bỏ sự phân biệt đối xử dưới mọi biểu hiện và hình thức,

Nhất trí như sau:

Phần I

Điều 1

Vì những mục đích của Công ước này, thuật ngữ "phân biệt đối xử với phụ nữ" có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính làm ảnh hưởng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác trên cơ sở bình đẳng nam nữ bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào.

Điều 2

Các nước tham gia Công ước lên án sự phân biệt đối xử với phụ nữ thể hiện dưới mọi hình thức, đồng ý áp dụng mọi biện pháp thích hợp và không chậm trễ đưa ra chính sách loại trừ phân biệt đối xử với phụ nữ, và cuối cùng tiến hành:

- a. Đưa nguyên tắc bình đẳng nam nữ vào Hiến pháp quốc gia hoặc các văn bản pháp luật thích hợp khác nếu vấn đề này chưa được đề cập tới và bảo đảm việc thực thi nguyên tắc này trong thực tế bằng pháp luật và các biện pháp thích hợp khác;
- b. Xây dựng các điều khoản pháp luật và thông qua các biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết, nhằm ngăn cấm mọi sự phân biệt đối xử với phụ nữ;
- c. Thiết lập cơ chế bảo vệ mang tính pháp lý các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và thông qua các toà án quốc gia có thẩm quyền và các cơ quan nhà nước khác để bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại mọi hành động phân biệt đối xử;
- d. Không tiến hành bất kỳ hành động hoặc hoạt động nào có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ và bảo đảm rằng các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này;
- e. áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành;
- f. áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp pháp luật, nhằm sửa đổi hoặc xoá bỏ mọi điều khoản, quy định, tập quán và thực tiễn hiện đang tồn tại mang tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ;
- g. Huỷ bỏ mọi điều khoản hình sự có phân biệt đối xử với phụ nữ.

Điều 3

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả biện pháp pháp luật, trên tất cả các lĩnh vực đặc biệt là chính trị, xã hội, kinh tế và văn hoá để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ, nhằm mục đích bảo đảm cho họ được thực hiện cũng như thụ hưởng các quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

Điều 4

1. Việc các nước tham gia Công ước thông qua những biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm thúc đẩy nhanh bình đẳng trên thực tế giữa nam giới và phụ nữ sẽ không bị coi là phân biệt đối xử theo định nghĩa được nêu ra trong Công ước này, nhưng cũng không hoàn toàn vì thế mà duy trì những chuẩn mực không bình đẳng hoặc tách biệt. Những biện pháp này sẽ chấm dứt khi các mục tiêu bình đẳng về cơ hội và đối xử đạt được.
2. Việc các nước tham gia Công ước thông qua những biện pháp đặc biệt, kể cả các biện pháp nêu trong Công ước này nhằm bảo vệ người mẹ sẽ không bị coi là phân biệt đối xử.

Điều 5

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm:

- a. Sửa đổi khuôn mẫu văn hoá, xã hội về hành vi của nam giới và nữ giới nhằm xoá bỏ các thành kiến, phong tục tập quán và các thói quen khác dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ;
- b. Bảo đảm giáo dục về gia đình phải bao gồm sự hiểu biết đầy đủ về vai trò làm mẹ với tư cách là chức năng xã hội và thừa nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và nữ giới trong việc nuôi dạy và phát triển con cái, lợi ích của con cái phải được nhận thức rõ là ưu tiên hàng đầu trong mọi trường hợp.

Điều 6

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả biện pháp pháp luật để loại bỏ mọi hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột phụ nữ làm mại dâm.

Phần II

Điều 7

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được thụ hưởng các quyền sau:

- a. Tham gia bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, được quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử;
- b. Được tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, tham gia vào bộ máy và các chức vụ nhà nước ở mọi cấp chính quyền;
- c. Tham gia vào các tổ chức xã hội và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước.

Điều 8

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo cho phụ nữ có cơ hội đại diện cho Chính phủ mình trên diễn đàn quốc tế và tham gia công việc của các tổ chức quốc tế, trên cơ sở bình đẳng với nam giới và không có bất cứ sự phân biệt nào.

Điều 9

1. Các nước tham gia Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Các nước phải đặc biệt đảm bảo rằng việc kết hôn với người nước ngoài, hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không mặc nhiên làm thay đổi quốc tịch của người vợ, làm cho người vợ trở thành người không có quốc tịch hay ép buộc người vợ phải lấy quốc tịch của chồng.
2. Các nước tham gia Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong vấn đề quốc tịch của con cái.

Phần III

Điều 10

Các quốc gia phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục và đặc biệt, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, đảm bảo về:

- a. Những điều kiện như nhau trong định hướng nghiệp, tham gia học tập và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc các loại hình khác nhau ở vùng nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm trong các trường mẫu giáo, trường phổ thông, trường kỹ thuật kể cả trường chuyên môn kỹ thuật bậc cao cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề nghiệp;
- b. Tiếp cận tới những chương trình học và thi cử như nhau, đội ngũ giáo viên với trình độ chuyên môn như nhau, cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường có chất lượng như nhau;
- c. Xoá bỏ mọi quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và nữ giới ở mọi cấp học và trong mọi loại hình giáo dục bằng cách khuyến khích học sinh nam và nữ cùng học trong một lớp và bằng các loại hình giáo dục khác có thể giúp đạt được mục tiêu này, đặc biệt bằng cách điều chỉnh sách giáo khoa, chương trình học, và các phương pháp giảng dạy phù hợp;
- d. Các cơ hội như nhau trong hưởng học bổng và các khoản trợ cấp học tập khác;
- e. Các cơ hội như nhau trong tiếp cận các chương trình bổ túc văn hoá, kể cả các chương trình dành cho người lớn và xoá mù chữ, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp khoảng cách về trình độ văn hoá của nam giới và nữ giới trong thời gian ngắn nhất;
- f. Giảm bớt tỷ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho các em gái và phụ nữ đã phải bỏ học sớm;
- g. Các cơ hội như nhau để tham gia tích cực vào các hoạt động thể thao và giáo dục thể chất.
- h. Tiếp cận tới thông tin giáo dục cụ thể giúp bảo đảm sức khoẻ và hạnh phúc gia đình, kể cả thông tin tư vấn về kế hoạch hoá gia đình.

Điều 11

1. Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong lĩnh vực việc làm nhằm đảm bảo những quyền như nhau trên cơ sở bình đẳng nam nữ, đặc biệt là:

- a. Quyền làm việc là quyền không thể chối bỏ của mọi con người;
 - b. Quyền hưởng các cơ hội có việc làm như nhau, bao gồm cả việc áp dụng những tiêu chuẩn như nhau trong tuyển dụng lao động;
 - c. Quyền tự do lựa chọn ngành nghề và việc làm, quyền được thăng tiến, bảo hộ lao động, hưởng các phúc lợi và phương tiện làm việc và quyền được theo học những chương trình dạy nghề và bổ túc nghiệp vụ, kể cả các khoá truyền nghề, đào tạo nghiệp vụ nâng cao và định kỳ;
 - d. Quyền được hưởng thù lao như nhau, kể cả phúc lợi, được đối xử như nhau với công việc có giá trị ngang nhau cũng như được đối xử như nhau trong đánh giá chất lượng công việc;
 - e. Quyền được hưởng bảo hiểm xã hội, đặc biệt trong các trường hợp hưu trí, thất nghiệp, đau ốm, tàn tật, tuổi già và các tình trạng mất khả năng lao động khác, cũng như quyền được nghỉ phép có hưởng lương;
 - f. Quyền được bảo vệ sức khoẻ và bảo đảm an toàn lao động, kể cả bảo vệ chức năng sinh sản.
2. Với mục đích ngăn chặn sự phân biệt đối xử với phụ nữ vì lý do hôn nhân hay sinh đẻ, bảo đảm cho phụ nữ thực sự có quyền làm việc, các nước tham gia Công ước phải áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm:
 - a. Cấm và trừng phạt hành vi sa thải phụ nữ vì lý do có thai hoặc nghỉ đẻ hoặc phân biệt đối xử trong sa thải dựa vào tình trạng hôn nhân
 - b. áp dụng chế độ nghỉ đẻ vẫn hưởng lương hoặc được hưởng các phúc lợi xã hội tương đương mà không bị mất việc làm cũ, mất thâm niên hay các phụ cấp xã hội;
 - c. Khuyến khích việc cung cấp những dịch vụ hỗ trợ xã hội cần thiết để tạo điều kiện cho các bậc cha mẹ có thể kết hợp nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm công tác và tham gia sinh hoạt xã hội, đặc biệt đẩy mạnh việc thiết lập và phát triển hệ thống nhà trẻ, trường mẫu giáo;
 - d. Có chế độ bảo vệ đặc biệt dành cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai làm những loại công việc độc hại.
 3. Các biện pháp pháp luật liên quan tới những vấn đề nêu trong điều khoản này phải được đánh giá định kỳ trên cơ sở kiến thức khoa học- kỹ thuật và phải được sửa đổi, huỷ bỏ hoặc mở rộng nếu cần thiết.

Điều 12

1. Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ nhằm bảo đảm cho phụ nữ được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, kể cả các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình trên cơ sở bình đẳng nam nữ.
2. Ngoài những quy định ghi trong phần 1 của điều khoản này, các nước tham gia Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến quá trình mang thai, sinh đẻ và chăm sóc sau sinh, cung cấp các dịch vụ miễn phí ở những nơi cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ chế độ dinh dưỡng thích hợp trong thời gian mang thai và cho con bú.

Điều 13

Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong các lĩnh vực khác của đời sống kinh tế xã hội, nhằm đảm bảo trên cơ sở bình đẳng nam nữ những quyền như nhau, đặc biệt là:

- a. Quyền được hưởng các phúc lợi gia đình;
- b. Quyền vay vốn ngân hàng, cầm cố tài sản và tham gia các hình thức tài chính tín dụng khác;
- c. Quyền được tham gia các hoạt động giải trí, thể thao và mọi mặt của đời sống văn hoá.

Điều 14

1. Các nước tham gia Công ước phải quan tâm đến các vấn đề đặc biệt đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế gia đình, kể cả công việc của họ trong những việc làm không được trả công và phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để đảm bảo thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ nông thôn.
2. Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nông thôn để đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển nông thôn, đặc biệt các nước tham gia Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền:
 - a. Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển ở tất cả các cấp;
 - b. Được tiếp cận các phương tiện chăm sóc sức khoẻ thích hợp kể cả thông tin, tư vấn và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình;
 - c. Được hưởng lợi trực tiếp từ các chương trình bảo hiểm xã hội;
 - d. Được hưởng các loại hình giáo dục đào tạo, chính quy và không chính quy, kể cả các chương trình xóa mù chữ cũng như được hưởng mọi dịch vụ khuyến nông và dịch vụ cộng đồng để nâng cao trình độ năng lực của mình;
 - e. Tổ chức các nhóm tương trợ và hợp tác xã để được tiếp cận bình đẳng tới các cơ hội kinh tế thông qua việc làm công ăn lương hoặc việc làm tự tạo;
 - f. Tham gia mọi hoạt động của cộng đồng;
 - g. Được tiếp cận các loại hình tín dụng và vốn vay dành cho nông nghiệp, các chương trình hỗ trợ thị trường, tiếp cận công nghệ phù hợp và được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất cũng như trong các dự án quy hoạch lại đất đai;
 - h. Được hưởng các điều kiện sống đầy đủ, nhất là về vấn đề nhà ở, vệ sinh, điện nước, giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

Phần IV

Điều 15

1. Các nước tham gia Công ước phải bảo đảm cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới trước pháp luật.
2. Các nước tham gia Công ước phải dành cho phụ nữ tư cách pháp nhân và cơ hội như nam giới để thực hiện tư cách đó trong các vấn đề dân sự. Đặc biệt các nước phải dành cho phụ nữ quyền bình đẳng trong việc ký kết hợp đồng và quản lý tài sản cũng như trong việc đối xử bình đẳng với phụ nữ trong mọi giai đoạn tố tụng và xét xử
3. Các nước tham gia Công ước nhất trí rằng mọi hợp đồng và giao dịch tư nhân có hiệu lực pháp lý ở bất kỳ mức độ nào làm hạn chế tư cách pháp nhân của phụ nữ đều bị coi là vô giá trị và không có hiệu lực thi hành.
4. Các nước tham gia Công ước phải dành cho nam giới và phụ nữ các quyền pháp lý như nhau trong việc di chuyển, tự do lựa chọn nơi cư trú và chỗ ở.

Điều 16

1. Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình và đặc biệt, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, phải bảo đảm:
 - a. Quyền ngang nhau trong việc kết hôn;
 - b. Quyền tự do như nhau trong việc lựa chọn bạn đời và chỉ kết hôn khi cả hai hoàn toàn tự do và tự nguyện;
 - c. Quyền và trách nhiệm như nhau giữa vợ và chồng trong thời gian hôn nhân cũng như khi hôn nhân tan vỡ;
 - d. Có quyền và trách nhiệm với vai trò làm cha mẹ như nhau trong mọi vấn đề liên quan tới con cái, bất kể tình trạng hôn nhân như thế nào. Trong mọi trường hợp, lợi ích của con cái phải được đặt lên trên hết;
 - e. Quyền tự do và trách nhiệm như nhau khi quyết định về số con, khoảng cách giữa các lần sinh và có quyền tiếp cận thông tin, giáo dục và các biện pháp để thực hiện những quyền này;
 - f. Quyền và trách nhiệm như nhau trong việc trông nom, giám hộ, bảo trợ, nhận uỷ thác và nhận con nuôi hoặc có những quy định tương tự về vấn đề này được thể hiện trong luật pháp quốc gia; trong mọi trường hợp lợi ích của con cái phải được đặt lên trên hết;
 - g. Vợ chồng có quyền như nhau trong việc lựa chọn tên họ, chuyên môn và nghề nghiệp của mình;
 - h. Vợ chồng có quyền như nhau trong việc sở hữu, mua sắm, kiểm soát, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản, dù đó là tài sản không phải bỏ tiền ra mua hay có giá trị lớn.
2. Việc hứa hôn và kết hôn của trẻ em phải bị coi là không có hiệu lực pháp lý và phải tiến hành mọi hành động cần thiết, kể cả về mặt pháp luật nhằm quy định độ tuổi tối thiểu có thể kết hôn và bắt buộc phải làm thủ tục đăng ký kết hôn chính thức.

Phần V

Điều 17

1. Nhằm mục đích xem xét những tiến bộ đạt được trong thực hiện Công ước này, ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (dưới đây sẽ gọi tắt là ủy ban) phải được thành lập, gồm những chuyên gia có uy tín cao và thông thạo về các lĩnh vực đề cập trong Công ước. Ủy ban gồm 18 uỷ viên, khi Công ước bắt đầu có hiệu lực, và sau khi quốc gia thứ 35 phê chuẩn hoặc tham gia Công ước, số uỷ viên của ủy ban sẽ tăng lên 23. Các chuyên gia tham gia ủy ban sẽ do các quốc gia đề cử trong số các công dân của nước mình và đảm đương chức vụ tại Ủy ban với danh nghĩa cá nhân. Cần chú ý đến sự phân bố cân bằng về địa lý và đảm bảo có đại diện của nhiều nền văn minh cũng như của các hệ thống pháp lý chính thống khác nhau.
2. Các uỷ viên của Ủy ban được bầu bằng phiếu kín từ danh sách các ứng cử viên do các quốc gia tham gia Công ước đề cử. Mỗi quốc gia tham gia Công ước có quyền đề cử 1 ứng cử viên trong số các công dân của nước mình.
3. Lần bầu cử đầu tiên sẽ được tiến hành sau 6 tháng tính từ ngày Công ước bắt đầu có hiệu lực. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ gửi thư cho các quốc gia tham gia Công ước trước mỗi lần bầu cử ít nhất là 3 tháng, đề nghị trong vòng hai tháng phải giới thiệu ứng cử viên. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuẩn bị danh sách các ứng cử viên theo thứ tự bảng chữ cái, trong đó ghi rõ tên quốc gia đã đề cử những ứng cử viên này và gửi cho các quốc gia tham gia Công ước.
4. Các uỷ viên của Ủy ban sẽ được bầu tại cuộc họp các quốc gia tham gia Công ước do Tổng thư ký triệu tập tại trụ sở Liên hợp quốc. Cuộc họp này phải có ít nhất 2/3 tổng

số các nước tham gia Công ước tham dự mới là hợp lệ. Những người trúng cử phải là những ứng cử viên có nhiều phiếu nhất và có đa số tuyệt đối phiếu bầu của đại diện các quốc gia thành viên tham dự cuộc họp và tham gia bầu cử.

5. Nhiệm kỳ của các uỷ viên Uỷ ban là 4 năm. Tuy nhiên nhiệm kỳ của 9 trong số các uỷ viên trúng cử trong lần bầu đầu tiên sẽ kết thúc sau 2 năm. Ngay sau khi bầu cử lần đầu, chủ tịch Uỷ ban sẽ rút thăm tên 9 uỷ viên này.
6. Năm uỷ viên bổ sung sẽ được bầu theo quy định ở phần 2, 3 và 4 của Điều 17, sau khi quốc gia thứ 35 đã phê chuẩn hoặc tham gia Công ước. Nhiệm kỳ của 2 trong số 5 uỷ viên được bầu bổ sung là 2 năm. Chủ tịch Uỷ ban sẽ rút thăm tên 2 uỷ viên này.
7. Trong trường hợp đột xuất, khi một uỷ viên Uỷ ban thôi không tham gia thì quốc gia của uỷ viên đó phải chỉ định người thay thế trong số các công dân của mình, với điều kiện được Uỷ ban thông qua.
8. Các uỷ viên của Uỷ ban sẽ được nhận thù lao từ nguồn của Liên hợp quốc với điều kiện được Đại hội đồng thông qua. Hình thức và điều kiện trả thù lao do Đại hội đồng qui định căn cứ vào mức độ trách nhiệm trước Uỷ ban.
9. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ cung cấp số nhân viên và phương tiện cần thiết để Uỷ ban có thể hoàn thành một cách hữu hiệu các chức năng của mình theo quy định của Công ước.

Điều 18

1. Các quốc gia tham gia Công ước cam kết đệ trình lên Tổng thư ký Liên hợp quốc báo cáo về các biện pháp pháp luật, tư pháp, hành chính hoặc các biện pháp khác đã được tiến hành nhằm thực hiện các điều khoản của Công ước và những tiến bộ đạt được để Uỷ ban xem xét theo quy định sau:
 - a. Trong thời gian 1 năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với các quốc gia nói trên;
 - b. Sau đó ít nhất 4 năm một lần, và ngoài ra bất cứ khi nào Uỷ ban yêu cầu.
2. Các báo cáo trên có thể nêu rõ những nhân tố và khó khăn làm ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nghĩa vụ do Công ước đề ra.

Điều 19

1. Uỷ ban sẽ thông qua quy chế hoạt động của mình.
2. Uỷ ban sẽ cử ra các cán bộ làm việc theo nhiệm kỳ 2 năm.

Điều 20

1. Uỷ ban họp thường kỳ mỗi năm một lần trong thời gian không quá 2 tuần để xem xét các báo cáo do các quốc gia tham gia Công ước gửi đến theo Điều 18 của Công ước.
2. Các cuộc họp của Uỷ ban thông thường được tổ chức tại trụ sở của Liên hợp quốc, hoặc ở bất kỳ địa điểm thuận tiện nào do Uỷ ban quyết định.

Điều 21

1. Hàng năm, Uỷ ban sẽ báo cáo về các hoạt động của mình với Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Hội đồng kinh tế và xã hội và có thể đưa ra những đề xuất hoặc kiến nghị chung trên cơ sở xem xét các báo cáo và thông tin nhận được từ các quốc gia tham gia Công ước. Những đề xuất và kiến nghị đó sẽ được đưa vào báo cáo của Uỷ ban kèm theo ý kiến nếu có của các quốc gia tham gia Công ước.

2. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuyển các báo cáo của Ủy ban cho Ủy ban địa vị phụ nữ để biết.

Điều 22

Các cơ quan chuyên môn có quyền được cử đại diện tham gia xem xét việc thực hiện những điều khoản của Công ước trong phạm vi hoạt động của mình. Ủy ban có thể mời các cơ quan chuyên môn đệ trình báo cáo về tình hình thực hiện Công ước trong những lĩnh vực liên quan đến phạm vi hoạt động của các cơ quan này.

Phần VI

Điều 23

Những điểm đã trình bày trong Công ước này không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào dẫn tới việc đạt được bình đẳng nam nữ nhanh hơn mà có trong:

- a. Luật pháp của mỗi quốc gia tham gia Công ước, hoặc
- b. Trong bất kỳ Công ước, hiệp ước hoặc thoả thuận quốc tế khác có hiệu lực ở nước đó.

Điều 24

Các quốc gia tham gia Công ước cam kết sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết ở cấp quốc gia nhằm thực hiện đầy đủ các quyền đã được công nhận trong Công ước này.

Điều 25

1. Tất cả các quốc gia đều có thể ký Công ước này.
2. Tổng thư ký Liên hợp quốc được giao nhiệm vụ lưu chiếu bản Công ước này.
3. Công ước này phải được các quốc gia phê chuẩn. Các văn bản phê chuẩn phải được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu.
4. Tất cả các quốc gia đều có thể tham gia Công ước này. Việc gia nhập sẽ có hiệu lực khi các quốc gia nộp văn bản gia nhập Công ước cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 26

1. Các quốc gia tham gia Công ước đều có thể đề nghị sửa đổi Công ước này vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi văn bản cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.
2. Đại hội đồng Liên hợp quốc sẽ quyết định các biện pháp phải tiến hành, nếu cần, trong trường hợp có đề nghị như trên.

Điều 27

1. Công ước này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thứ 30 sau khi văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước của quốc gia thứ 20 được giao cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.
2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hoặc tham gia Công ước kể từ sau khi có văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước của quốc gia thứ 20, Công ước sẽ có hiệu lực đối với mỗi quốc gia đó từ ngày thứ 30 sau khi giao văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập.

Điều 28

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ nhận văn bản về các đề nghị bảo lưu do các quốc gia đưa ra khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước và thông báo cho tất cả các quốc gia khác.

2. Đề nghị bảo lưu không phù hợp với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.
3. Có thể xin rút lui đề nghị bảo lưu bất kỳ lúc nào bằng thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia biết. Thông báo xin rút lui đề nghị bảo lưu sẽ có giá trị từ ngày Tổng thư ký Liên hợp quốc nhận được văn bản đề nghị.

Điều 29

1. Mọi tranh chấp giữa hai hoặc nhiều quốc gia tham gia Công ước xung quanh việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong số các quốc gia tranh chấp có thể yêu cầu đưa ra trọng tài quốc tế. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ khi yêu cầu phân giải được đưa ra mà các bên vẫn không đi đến thống nhất về cách phân giải của trọng tài thì một bên bất kỳ có thể đệ trình vấn đề tranh chấp với Tòa án quốc tế bằng cách đệ đơn theo đúng quy chế của Tòa án.
2. Mọi quốc gia, vào thời điểm ký hay phê chuẩn Công ước hoặc khi tham gia Công ước, có thể tuyên bố không bị ràng buộc bởi mục 1 điều khoản này của Công ước. Các quốc gia khác tham gia Công ước sẽ không bị ràng buộc bởi mục này trong quan hệ với quốc gia đã đưa ra bảo lưu trên.
3. Bất kỳ quốc gia nào đã có ý kiến bảo lưu theo mục 2 của điều khoản này đều có thể rút lui ý kiến bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 30

Bản Công ước bằng các thứ tiếng A-Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau và được Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu.